TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 323/2022/DS-PT
Ngày: 14 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Ấp 13, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị H1: Ông Trần Chi L1, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Ông Phan Trường S, sinh năm: 1953 (Có mặt)

2. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1974 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 15, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Sơn L2, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 13, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người làm chứng: Ông Huỳnh Minh C (Không triệu tập)

Địa chỉ: Ấp 7, xã N, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị H1 là ông Trần Chi L1 trình bày:

Giữa bà Trần Thị H1 và ông Phan Trường S có quen biết nên vào ngày 18/5/2019 bà H1 có đưa cho ông S số tiền 11.000.000 đồng để xin nền nhà của ông Huỳnh Minh C ở Chi cục điều động dân cư Cà Mau. Bà H1 là người đưa trực tiếp số tiền 11.000.000 đồng cho ông S, sau khi nhận tiền của bà H1, ông S không làm đúng theo yêu cầu của bà H1. Do đó, bà H1 yêu cầu ông S trả cho bà H1 số tiền 11.000.000 đồng.

Đến ngày 06/6/2019 âm lịch ông Phan Trường S và bà Trần Thị H2 có nhờ bà H1 vay tiền dùm cho ông S, bà H2 số tiền 56.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, ông S hứa trong vòng 03 tháng hoàn trả đủ tiền vốn và lãi cho bà H1. Khi nhận tiền ông S, bà H2 có làm biên nhận nợ cho bà H1, từ khi vay đến nay ông S và bà H2 không đóng lãi cũng không trả vốn cho bà H1. Bà H1 yêu cầu ông S và bà H2 trả cho bà số tiền gốc 56.000.000 đồng và tiền lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu đối với tiền lãi suất, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng ông Phan Trường S và bà Trần Thị H2 trình bày:

Ông không có vay tiền của bà H1 với lý do khi ông nằm bệnh tại Bệnh viện thì bà H1 làm quen với vợ ông và nói có Huân chương kháng chiến có công với nước nhưng bị Tòa án huyện Trần Văn Thời xử bà H1 một năm tù, ông nói nếu bà H1 có bệnh ông xin cho bà H1 được hoãn chấp hành án phạt tù, nhưng trước khi đi bà H1 phải ứng trước cho ông 60.000.000 đồng, khi ông làm được cho bà H1 giảm án phạt tù thì ông chỉ lấy phân nữa chi phí thôi còn phân nữa ông trả lại cho bà H1. Sau khi ông nhận lời bà H1 thì ông có đi Sài Gòn chuyến đầu tiền thuê xe của bà Chúc đi, khi đi tiền bạc là ông ra hết nên bà H1 cho là ông không làm gì cho bà H1 là không đúng, toàn bộ số tiền 56.000.000 đồng là dùng cho chi phí đi lại xin hoãn chấp hành án, ông đã trả cho anh Lắm 26.000.000 đồng. Đối với số tiền 11.000.000 đồng là bà H1 nhờ ông xin nền nhà, quá trình đi lại số tiền này bà H1 sử dụng, ông không mượn của bà H1.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn L2 trình bày:

Ông S không trả cho ông số tiền gì liên quan đến số tiền 56.000.000 đồng mà mẹ ông đưa cho ông S. Ông S đưa ông 20.000.000 đồng là số tiền mà mẹ ông trước đây có đưa cho ông S mượn 05 chỉ vàng mà không làm giấy tờ nên ông S đưa ông 20.000.000 đồng là trừ qua số vàng 05 chỉ mà mẹ ông đưa cho ông S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành huyện U Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều

12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H1 về việc yêu cầu ông Phan Trường S trả 11.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H1 đối với ông Phan Trường S và bà Trần Thị H2 về việc trả tiền vay.

Buộc ông Phan Trường S và bà Trần Thị H2 liên đới trả cho bà H1 số tiền vay gốc 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu) đồng và tiền lãi 10.308.600 (Mười triệu ba trăm lẽ tám nghìn sáu trăm) đồng.Tổng cộng 46.308.600 (Bốn mươi sáu triệu ba trăm lẽ tám nghìn sáu trăm) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/9/2022 ông Phan Trường S kháng cáo với nội dung không đồng ý thanh toán tiền lãi suất cho bà H1.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trường S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Trường S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do ông không ý thanh toán tiền lãi cho bà H1 là vì khoản tiền ông nhận của bà H1 là do bà H1 nhờ ông giúp đỡ yêu cầu được hoãn thi hành án, ông không nợ tiền của bà H1. Ông cung cấp đơn xin hoãn chấp hành án phạt tù của bà H1 và các giấy ra viện của bà H1.

[2] Xét kháng cáo của ông S: Tại Tòa ông S trình bày nếu không có việc bà H1 nhờ ông giúp đỡ để hoãn chấp hành án thì không có việc bà H1 đưa ông các loại giấy tờ là giấy ra viện của bà H1 cũng như đơn xin hoãn thi hành án do ông soạn thảo cho bà H1. Xét, các tài liệu ông S cung cấp cũng không chứng minh được biên nhận nhận nợ của ông và bà H2 ký ngày 06/6/2019 với nội dung có thiếu bà H1 56.000.000 đồng, trong biên nhận nợ không có nội dung nào thể hiện nhận tiền của bà H1 để nhằm giúp đỡ bà H1. Nếu có sự việc ông nhận tiền của bà

H1 để xin được hoãn chấp hành án thì cũng là mối quan hệ khác không liên quan gì đến biên nhận nhận nợ.

[3] Tại phiên tòa, ông S không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh số tiền 56.000.000 đồng không phải là do ông nợ bà H1, căn cứ biên nhận nợ có thể hiện ông S cam kết thời gian thanh toán nợ cho bà H1, hết thời gian thanh toán ông S không thực hiện, vẫn còn thiếu lại 36.000.000 đồng nên căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định cấp sơ thẩm tính lãi suất trên số tiền ông S chậm thanh toán là đúng quy định.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trường S, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các Quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: Do ông S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Trường S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Phan Trường S và bà Trần Thị H2 liên đới trả cho bà Trần Thị H1 số tiền vay gốc 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu) đồng và tiền lãi 10.308.600 (Mười triệu ba trăm lẽ tám nghìn sáu trăm) đồng. Tổng cộng 46.308.600 (Bốn mươi sáu triệu ba trăm lẽ tám nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Phan Trường S và bà Trần Thị H2 phải chịu 2.315.430 (Hai triệu ba trăm mười lăm nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

Án phí phúc thẩm: Ông Phan Trường S được miễn.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện U Minh;*
- *Chi cục THADS huyện U Minh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thế Phương **Huỳnh Văn Yên** **Hoàng Thị Hải Hà**